

Mã số đề cương: FIN305/ĐC-KTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT GIẢNG DẠY MÔN HỌC

MÔN HỌC: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Tên tiếng Anh: **CORPORATE FINANCIAL MANAGEMENT**

Mã số môn học: **FIN305**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

A. THÔNG TIN CHUNG MÔN HỌC

1. Môn học: Quản trị Tài chính doanh nghiệp

2. Đối tượng: Sinh viên đại học chính quy năm 4

3. Số tín chỉ: 3 tín chỉ, trong đó

- Lý thuyết : 2,0 tín chỉ
- Thảo luận và bài tập : 1,0 tín chỉ
- Tiểu luận : 0 tín chỉ
- Khác (cụ thể là) : Tự học, bài tập cá nhân và thảo luận nhóm.

4. Phân bổ thời gian

- Trên lớp: 45 tiết
- Khác: Đọc tài liệu, làm bài tập cá nhân và thảo luận nhóm chiếm tối thiểu 2 lần so với thời gian học tập trên lớp.

5. Môn học trước

- Tài chính doanh nghiệp

6. Mô tả môn học

Môn học bao gồm 05 chương, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về quản trị tài chính doanh nghiệp nhằm mục đích gia tăng giá trị doanh nghiệp. Các nội dung của môn học gồm những kiến thức liên quan đến quản trị tài sản ngắn hạn, quyết định đầu tư dài hạn thông qua việc hoạch định ngân sách vốn đầu tư,

các kiến thức về các nguồn tài trợ của doanh nghiệp, chính sách cổ tức, lập kế hoạch tài chính và dự báo tài chính.

7. Mục tiêu và chuẩn đầu ra

7.1. Mục tiêu

Mục tiêu môn học thỏa mãn chuẩn đầu ra của chương trình được trình bày bên dưới:

CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHÂN BỐ CHO MÔN HỌC¹			
Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mức độ theo Thang đo
[1]. Kiến thức²	[1.3]. Tài chính - ngân hàng	[1.3.3]. Hiểu biết kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, đầu tư tài chính.	4
[2]. Kỹ năng³	[2.2]. Kỹ năng nghề nghiệp	[2.2.2]. Kỹ năng giải quyết vấn đề trong lĩnh vực tài chính.	4
[4]. Năng lực thực hành nghề nghiệp⁴	[4.1]. Năng lực thực hành nghề nghiệp	[4.1.1]. Đánh giá được thị trường tài chính	5
		[4.1.4]. Hoạch định và thực hiện quản trị tài chính cho các chủ thể trong nền kinh tế	5

Sự phù hợp của mục tiêu môn học với chuẩn đầu ra của chương trình:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo	CDR của chương trình
G1	Giải thích và phân tích được các lý thuyết quản trị tài sản ngắn hạn, lý thuyết về nguồn mô hình tài trợ	4	[1.3.3]

¹ Các đề mục được sử dụng trong ngoặc vuông [...] sử dụng theo đề mục của Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo 2018 đã mã hóa

² Theo thang đo Bloom (2001)

³ Thang đo Dave (1975)

⁴ Thang đo của MIT theo CDIO (1972)

	<p>và các nguồn tài trợ của doanh nghiệp, lý thuyết về các chính sách chia cổ tức của doanh nghiệp.</p> <p>Phân tích, thiết lập các quyết định đầu tư dài hạn.</p> <p>Vận dụng các lý thuyết về chính sách cổ tức trong thực tiễn.</p> <p>Thiết lập được các kế hoạch tài chính cho doanh nghiệp.</p>		
G2	Có khả năng giải quyết các vấn đề về quản trị tài sản ngắn hạn, về quyết định đầu tư dài hạn, về lựa chọn mô hình tài trợ, về lựa chọn chính sách cổ tức, về lập kế hoạch tài chính.	4	[2.2.2]
G3	Đưa ra các quyết định huy động vốn, quyết định chi trả cổ tức cho doanh nghiệp	5	[4.1.1]
G4	Có khả năng quản trị TCDN.	5	[4.1.4]

7.2. Chuẩn đầu ra của môn học

Chuẩn đầu ra của môn học	Miêu tả	Chuẩn đầu ra của chương trình
G1.1; G2; G4	Hiểu và vận dụng mô hình quản trị hàng tồn kho, quản trị tiền mặt, quản trị khoản phải thu trong quản trị tài chính doanh nghiệp.	[1.3.3]; [2.2.2]; [4.1.4]
G1.2; G2; G4	Hoạch định dòng tiền dự án của dự án đầu tư. Đánh giá hiệu quả tài chính của dự án đầu tư thông qua các chỉ tiêu tài chính.	[1.3.3]; [2.2.2]; [4.1.4];
G1.3; G2; G3; G4	Phân tích chiến lược tài trợ của doanh nghiệp. Đánh giá các nguồn tài trợ của doanh nghiệp.	[1.3.3]; [2.2.2]; [4.1.1]; [4.1.4]

G1.3; G2; G3; G4	Nhận định chính sách cổ tức của doanh nghiệp	[1.3.3]; [2.2.2]; [4.1.1]; [4.1.4]
G1.5; G2; G4	Thiết lập kế hoạch tài chính của doanh nghiệp	[1.3.3]; [2.2.2]; [4.1.4]

8. Phương pháp dạy và học

Phương pháp “Người học là trung tâm” sẽ được sử dụng trong môn học để giúp sinh viên tham gia tích cực. Kết quả học tập dự kiến sẽ đạt được thông qua một loạt các hoạt động học tập ở trường và ở nhà. Cụ thể:

- 60% giảng dạy, 40% thảo luận, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi.
- Tại lớp, giảng viên giải thích các định nghĩa và nguyên lý cơ bản; đặt ra các vấn đề, hướng dẫn và khuyến khích sinh viên giải quyết; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày phân tích và tính toán mẫu.
- Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích nêu lên các câu hỏi, giải quyết các vấn đề và thảo luận để hiểu các chủ đề được đề cập dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Ở lớp, giảng viên dành một khoảng thời gian đáng kể (10-20%) để thực hiện các hoạt động trong lớp và đưa ra các câu hỏi để đánh giá khả năng nhận thức và giải đáp các câu hỏi của sinh viên liên quan đến bài học.

9. Yêu cầu môn học

- Sinh viên hoàn thành tất cả bài tập cá nhân và thảo luận nhóm.
- Đọc tài liệu môn học theo yêu cầu của giảng viên. Sinh viên được kiểm tra bằng cách gọi ngẫu nhiên để trình bày ý kiến của mình về một số điểm trong tài liệu. Bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ cũng bao gồm nội dung trong tài liệu tham khảo.
- Kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ. Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp bất khả kháng và được chấp nhận đơn xin hoãn thi theo quy chế đào tạo của trường Đại học ngân hàng.
- Thực hiện các hoạt động khác theo yêu cầu của giảng viên.

10. Tài liệu môn học

- Tài liệu chính

[1]. Eugene F. Brigham và Joel F. Houston, *Quản trị tài chính*, NXB Cengage Learning, 2009 do Nguyễn Thị Cành biên dịch.

[2] Glen Arnold, 2013, *Corporate Financial Management*, Pearson Education Limited

- Tài liệu tham khảo

[3]. Lê Mạnh Hưng và cộng sự, 2015, *Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính

[4]. Richard A. Brealey, Stewart Myers, Franklin Allen, 2014, *Principles of Corporate*, McGraw – Hill.

B. NỘI DUNG CHI TIẾT GIẢNG DẠY

Thời lượng (tiết)	Nội dung giảng dạy chi tiết	CDR của môn học	Hoạt động dạy và học	Minh chứng đánh giá	Mục tiêu chương (Kết quả học tập mong đợi)
15	<p>CHƯƠNG 1: QUẢN TRỊ TÀI SẢN NGẮN HẠN</p> <p>1.1. Quản trị hàng tồn kho</p> <p>1.1.1. Mục đích của dự trữ hàng tồn kho</p> <p>1.1.2. Các chi phí liên quan đến dự trữ hàng tồn kho</p> <p>1.1.3. Mô hình lượng đặt hàng kinh tế (EOQ)</p> <p>1.2. Quản trị tiền mặt</p> <p>1.2.1. Mục đích của việc nắm giữ tiền mặt</p> <p>1.2.2. Các chi phí liên quan đến giữ tiền mặt</p> <p>1.2.3. Mô hình Baumol (COQ)</p> <p>1.2.4. Mô hình Miller – Orr</p> <p>1.2.5. Quản lý quá trình thu – chi tiền</p> <p>1.3. Quản trị khoản phải thu</p> <p>1.3.1. Chính sách bán chịu</p> <p>1.3.2. Đánh giá thay đổi chính sách bán chịu</p>	G1.1; G2; G4	<p>GIẢNG VIÊN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu mục tiêu và nội dung chương; - Luận giải và thảo luận nội dung lý thuyết, xử lý bài tập tình huống minh họa <p>SINH VIÊN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại nhà: Đọc tài liệu chương 1 và củng cố lại kiến thức nền; - Tại lớp: Nghe giảng, thảo luận và làm bài tập 	Kiểm tra quá trình và kiểm tra cuối kỳ.	Hiểu và vận dụng mô hình quản trị hàng tồn kho, quản trị tiền mặt, quản trị khoản phải thu.

10	<p>CHƯƠNG 2. HOẠCH ĐỊNH NGÂN SÁCH VỐN ĐẦU TƯ</p> <p>2.1. Tổng quan</p> <p>2.1.1. Khái niệm dự án đầu tư</p> <p>2.1.2. Mục tiêu của hoạch định vốn đầu tư</p> <p>2.1.3. Phân loại dự án đầu tư</p> <p>2.2. Hoạch định dòng tiền của dự án</p> <p>2.2.1. Nguyên tắc xác định dòng tiền</p> <p>2.2.2. Phương pháp ước lượng dòng tiền dự án</p> <p>2.3. Các tiêu chuẩn đánh giá dự án</p> <p>2.3.1. Tiêu chuẩn giá trị hiện tại ròng</p> <p>2.3.2. Tiêu chuẩn tỷ suất hoàn vốn nội bộ và tỷ suất hoàn vốn nội bộ điều chỉnh</p> <p>2.3.3. Tiêu chuẩn chỉ số sinh lợi</p> <p>2.3.4. Tiêu chuẩn thời gian hoàn vốn và thời gian hoàn vốn chiết khấu</p>	G1.2; G2; G4	<p>GIẢNG VIÊN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu mục tiêu và nội dung chương; - Luận giải và thảo luận nội dung lý thuyết, xử lý bài tập tình huống minh họa. <p>SINH VIÊN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại nhà: Đọc tài liệu chương 2 và củng cố lại kiến thức nền; làm bài tập. - Tại lớp: Nghe giảng, thảo luận và làm bài tập 	Kiểm tra quá trình và kiểm tra cuối kỳ.	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạch định ngân sách vốn đầu tư; - Đánh giá hiệu quả tài chính của dự án đầu tư; - Ra quyết định lựa chọn dự án đầu tư theo mục tiêu của doanh nghiệp.
5	<p>CHƯƠNG 3. NGUỒN TÀI TRỢ CỦA DOANH NGHIỆP</p> <p>3.1. Phân loại và đặc điểm của các nguồn tài trợ</p>	G1.3; G2; G3;	<p>GIẢNG VIÊN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu mục tiêu và nội dung chương; 	Kiểm tra cuối kỳ.	Phân tích điểm lợi và bất lợi của từng nguồn tài trợ khi doanh nghiệp huy

	<p>3.1.1. Căn cứ vào thời gian sử dụng</p> <p>3.1.2. Căn cứ vào quyền sở hữu</p> <p>3.2. Chiến lược tài trợ</p> <p>3.2.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến nguồn tài trợ</p> <p>3.2.2. Chiến lược tài trợ</p> <p>3.3. Các nguồn tài trợ ngắn hạn</p> <p>3.3.1. Nợ tích lũy</p> <p>3.3.2. Tín dụng thương mại</p> <p>3.3.3. Vay ngắn hạn</p> <p>3.3.4. Thương phiếu</p> <p>3.4. Các nguồn tài trợ dài hạn</p> <p>3.4.1. Nợ dài hạn</p> <p>3.4.2. Nguồn vốn chủ sở hữu</p>	G4	<p>- Tổ chức thuyết trình cho các nhóm theo phân công</p> <p>SINH VIÊN:</p> <p>- Tại nhà: Đọc tài liệu chương 3 và củng cố lại kiến thức nền, thực hiện bài thuyết trình theo phân công;</p> <p>- Tại lớp: Thuyết trình, thảo luận.</p>		<p>động.</p> <p>Phân tích ưu và nhược điểm các chiến lược tài trợ TSLĐ của doanh nghiệp.</p>
5	<p>CHƯƠNG 4. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC</p> <p>4.1. Các hình thức phân chia thu nhập cho các cổ đông</p> <p>4.1.1. Chia cổ tức bằng tiền</p> <p>4.1.2. Chia cổ tức bằng cổ phiếu</p>	G1.3; G2; G3; G4	<p>GIẢNG VIÊN:</p> <p>- Giới thiệu mục tiêu và nội dung chương;</p> <p>- Luận giải và thảo luận nội dung lý thuyết.</p> <p>SINH VIÊN:</p>	Kiểm tra quá trình và kiểm tra cuối kỳ.	<p>- Giải thích các lý thuyết về chính sách cổ tức của doanh nghiệp;</p> <p>- Nhận định chính sách cổ tức của</p>

	<p>4.1.3. Mua lại cổ phiếu</p> <p>4.2. Chính sách cổ tức và giá trị công ty</p> <p>4.2.1. Các lý thuyết về chính sách cổ tức</p> <p>4.2.2. Những vấn đề cần xem xét khi quyết định chia cổ tức</p> <p>4.3. Chính sách cổ tức thực tế</p> <p>4.3.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến chính sách cổ tức</p> <p>4.3.2. Chính sách cổ tức ổn định</p> <p>4.3.3. Chính sách thặng dư cổ tức</p>		<p>- Tại nhà: Đọc tài liệu chương 3 và củng cố lại kiến thức ba chương đầu;</p> <p>- Tại lớp: Nghe giảng, thảo luận và làm bài tập. Làm bài kiểm tra giữa kì</p>		doanh nghiệp.
10	<p>CHƯƠNG 5. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH VÀ DỰ BÁO TÀI CHÍNH</p> <p>5.1. Dự báo doanh thu</p> <p>5.1.1. Các cơ sở dự báo doanh thu</p> <p>5.1.2. Các phương pháp dự báo doanh thu</p> <p>5.2. Lập báo cáo tài chính dự kiến</p> <p>5.2.1. Lập bảng kết quả kinh doanh dự kiến</p> <p>5.2.2. Dự toán nhu cầu ngân quỹ</p> <p>5.2.3. Lập bảng cân đối kế toán dự kiến</p>	G1.5; G2; G4	<p>GIẢNG VIÊN:</p> <p>- Giới thiệu mục tiêu và nội dung chương;</p> <p>- Luận giải và thảo luận nội dung lý thuyết, xử lý bài tập tình huống minh họa</p> <p>SINH VIÊN:</p> <p>- Tại nhà: Đọc tài liệu chương 5 và củng cố lại kiến thức nền, kiến thức các chương trước;</p> <p>- Tại lớp: Nghe giảng, làm bài</p>	Kiểm tra cuối kỳ.	<p>- Dự báo doanh thu của doanh nghiệp theo các phương pháp khác nhau;</p> <p>- Thiết lập kế hoạch tài chính của doanh nghiệp.</p>

			tập. Thảo luận các vấn đề của môn học trước khi kết thúc môn		
--	--	--	--	--	--

cuu duong than cong . com

C. PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

1. Các thành phần đánh giá môn học

Thành phần đánh giá	Phương thức đánh giá	Chuẩn đầu ra của môn học	Trọng số
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Chuyên cần, ý thức, thái độ học tập	G1.1 → G1.5, G2, G3, G4	10%
	A1.2. Thảo luận, thuyết trình trên lớp hoặc cá nhân	G1.1 → G1.4, G2, G3; G4	20%
	A1.3. Kiểm tra giữa kỳ (cá nhân)	G1.1 → G1.3, G2, G4	20%
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1. Kiểm tra cuối kỳ (dạng bài trắc nghiệm và tự luận)	G1.1 → G1.5, G2, G3, G4	50%

Cách tính điểm môn học: Trên thang điểm từ 1-10

Nội dung tính điểm	Trọng số
Chuyên cần, ý thức, thái độ học tập	10%
Thuyết trình và thảo luận nhóm	20%
Kiểm tra giữa kỳ	20%
Kiểm tra cuối kỳ	50%
Tổng cộng	100%

2. Phương pháp đánh giá:

2.1. Chuyên cần, ý thức và thái độ học tập:

Phương pháp đánh giá chuyên cần, ý thức và thái độ học tập do giảng viên phụ trách chủ động tổ chức thực hiện; giảng viên có trách nhiệm công bố phương pháp đánh giá cụ thể nội dung này cho sinh viên khi bắt đầu môn học.

2.2. Thuyết trình và thảo luận nhóm

- Làm việc trong 1 nhóm tối đa 5 sinh viên

- Mỗi nhóm nghiên cứu về các tình huống quản trị TCDN và được phân công thuyết trình từng phần trong nội dung, trả lời các câu hỏi có liên quan đến phần thuyết trình được yêu cầu đảm nhận.
- Phương thức đánh giá:

Bảng hướng dẫn chi tiết chấm thuyết trình nhóm:

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	ĐIỂM			
		Dưới 5	5 – dưới 7	7 – dưới 9	9 – 10
Nội dung thuyết trình	40%	<p>Bài thuyết trình có bố cục không đầy đủ</p> <p>Trình bày thiếu nhiều kiến thức cơ bản về vấn đề thuyết trình.</p> <p>Thông tin đưa ra thiếu chính xác.</p> <p>Trình bày lan man, dài dòng, không tập trung vào vấn đề chính.</p>	<p>Bài thuyết trình có bố cục đầy đủ</p> <p>Trình bày đầy đủ những kiến thức cơ bản về vấn đề thuyết trình.</p> <p>Thông tin đưa ra chính xác, khoa học</p> <p>Trình bày đôi chỗ còn lan man, chưa tập trung vào vấn đề chính.</p>	<p>Bài thuyết trình có bố cục đầy đủ</p> <p>Trình bày đầy đủ những kiến thức cơ bản về vấn đề thuyết trình.</p> <p>Thông tin đưa ra chính xác, khoa học</p> <p>Trình bày trọng tâm, làm nổi bật vấn đề.</p>	<p>Bài thuyết trình có bố cục đầy đủ</p> <p>Trình bày đầy đủ những kiến thức cơ bản về vấn đề thuyết trình.</p> <p>Thông tin đưa ra chính xác, khoa học</p> <p>Trình bày trọng tâm, làm nổi bật vấn đề</p> <p>Mở rộng thêm thông tin, dẫn chứng ngoài nội dung lý thuyết.</p>
Kỹ năng thuyết trình	40%	<p>Chỉ đọc chữ trên slide, không để ý đến người nghe.</p> <p>Tốc độ nói</p>	<p>Phong thái còn hơi rụt rè, không giao lưu nhiều với người nghe</p> <p>Nói chưa trôi</p>	<p>Phong thái tự tin, có giao lưu với người nghe</p> <p>Nói trôi chảy, mạch lạc,</p>	<p>Phong thái tự tin, có giao lưu với người nghe</p> <p>Nói trôi chảy, mạch lạc,</p>

		quá nhanh hoặc quá chậm.	chảy, mạch lạc, còn ngắt quãng. Tốc độ nói vừa phải.	không ngắt quãng. Tốc độ nói vừa phải, dễ nghe.	không ngắt quãng. Tốc độ nói vừa phải, giọng nói truyền cảm, lên xuống giọng hợp lý, nhấn giọng những điểm quan trọng.
Trả lời câu hỏi	20%	Hầu như không trả lời được câu hỏi do giáo viên hoặc các nhóm khác đặt ra.	Trả lời được những câu hỏi về các vấn đề thảo luận cơ bản do giáo viên hoặc các nhóm khác đặt ra.	Trả lời tốt và khá chính xác những câu hỏi thảo luận thêm do giáo viên hoặc các nhóm khác đặt ra.	Trả lời tốt và chính xác những câu hỏi thảo luận thêm do giáo viên hoặc các nhóm khác đặt ra.

2.3. Kiểm tra giữa kỳ

- Làm bài cá nhân, không sử dụng tài liệu, được phép sử dụng máy tính bỏ túi để tính toán, không được sử dụng các thiết bị điện tử khác hoặc máy tính xách tay.
- Kiểm tra giữa kỳ là để đánh giá kiến thức và kỹ năng chuyên môn của sinh viên sau khi hoàn thành ba chương đầu tiên. Các câu hỏi kiểm tra bao gồm nội dung trong 4 chương đầu tiên, bao gồm các câu hỏi liên quan để đánh giá kiến thức về quản trị tài sản ngắn hạn, hoạch định ngân sách vốn đầu tư, chính sách cổ tức và kỹ năng giải quyết vấn đề cũng như đưa ra các quyết định trong quản trị TCDN.
- Kiểm tra dạng bài tự luận theo tình huống giả định với thời gian làm bài 45 phút, thực hiện sau khi kết thúc chương 4.
- Phương thức đánh giá: 0.25 điểm/ý.

2.4. Kiểm tra cuối kì

- Đề kiểm tra cuối kỳ được chọn ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi môn QTTCĐN, mỗi ca thi 2 đề độc lập.

- Bài kiểm tra cuối kỳ được sử dụng 01 tờ A4 chép tay công thức, không được phép sử dụng thiết bị điện tử và máy tính xách tay. Bài kiểm tra cuối kỳ bao gồm ba phần: 24 câu hỏi trắc nghiệm 4 phương án, trong đó có 1 phương án đúng cho mỗi câu; 1 bài tập giả định và 1 tình huống thực tế.
- Thời gian làm bài kiểm tra cuối kỳ: 75 phút.
- Phương thức đánh giá: Được chấm 2 lượt độc lập bởi 2 giảng viên có tham gia giảng dạy môn QTTCDN. Điểm bài thi được chấm theo thang điểm của đáp án Ngân hàng câu hỏi môn QTTCDN, theo đó: (i) phần trắc nghiệm: 6/10 điểm, (ii) bài tập giả định: 2/10 điểm; (iii) tình huống thực tế: 2/10 điểm. Tổng cộng 10 điểm. Thang điểm thành phần quy định chi tiết điểm cho từng ý mỗi câu trong đáp án.

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Lê Hoàng Vinh

TS. Đỗ Thị Hà Thương

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG